

Bản án số: 596/2022/HS-ST

Ngày: 28-12-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh .

2. Ông Trần Ngọc Thực.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự thụ lý số: 766/2022/HSST ngày 13/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 6215/2022/QĐXXST-HS ngày 01/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đăng N**; sinh năm 1986; tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: F Cư xá L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 4 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M và bà Đặng Thị Á; có vợ và 02 con sinh năm 2020, năm 2021; tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Bản án số 307/HSST ngày 09/3/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Bản án số 99/2006/HSST ngày 24/7/2006, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Bản án số 173/2006/HSST ngày 17/11/2006, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp

hình phạt chung với Bản án số 99/2006/HSST ngày 24/7/2006 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” là 04 năm tù.

+ Bản án số 186/2011/HSST ngày 29/6/2011, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tiền án:

+ Bản án số 189/2011/HSST ngày 16/12/2011, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử 03 năm tù về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung với Bản án số 186/2011/HSST ngày 29/6/2011 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là 10 năm tù.

Bị bắt tạm giam 15/9/2021 “có mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: 5 Â, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

- *Người bào chữa:*

+ Ông Võ Đan M1 – Luật sư, Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Đăng N “có mặt”.

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 15/9/2021, tại trước nhà số H N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tổ công tác chốt kiểm soát dịch bệnh Covid – 19, Công an quận G phối hợp Công an P1, quận G phát hiện bắt quả tang Trần Đăng N đang điều khiển xe gắn máy biển số 59M2 – 369.77, thu giữ trong cốp xe gắn máy 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 99,5849 gam loại Methamphetamine (Kết luận giám định số 5048/KLGD-MT ngày 20/9/2021 của Phòng K, Công an Thành phố H).

Quá trình điều tra, Trần Đăng Nguyên k nhận: Nguyên là đối tượng nghiện ma túy. Qua bạn bè, N quen biết với một người đàn ông tên S (không rõ lai lịch). Khoảng 15 giờ ngày 15/9/2021, S thuê N đi đến khu vực đường T, quận B gặp một người đàn ông tên B (không rõ lai lịch) nhận 01 gói ma túy đưa về cho S và trả công cho N 1.000.000 đồng, N đồng ý và điều khiển xe gắn máy biển số 59M2 – 369.77 đi đến điểm hẹn giao nhận. Sau khi nhận ma túy từ B, N để vào cốp xe và di chuyển về lại quận G để giao ma túy cho S, nhưng chưa kịp giao thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản Kết luận điều tra.

Bản Cáo trạng số 275/CT-VKSTPHCM-P1, ngày 27/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Đăng N từ 17 năm tù đến 19 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2021. Phạt bổ sung bị cáo: 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về mặt tội danh và điều khoản như đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thiếu hiểu biết pháp luật, hiện có con còn nhỏ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố và phần trình bày bào chữa của luật sư.

- Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

- Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

“NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN”:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H; Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: trên cơ sở thẩm tra, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hành vi phạm tội của bị cáo được xác định như sau:

Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 15/9/2021, Trần Đăng N được S (không rõ lai lịch) thuê đi nhận ma túy từ một người tên B (không rõ lai lịch) mang về cho S tại quận G, tiền công là 1.000.000 đồng. N đồng ý và điều khiển xe gắn máy biển số 59M2 – 369.77 đến gặp B nhận 01 gói ma túy để giao cho S (không rõ lai lịch). Khi đến trước nhà số H N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ công tác chốt kiểm soát dịch bệnh Covid – 19, Công an quận G phối hợp Công an P1, quận G phát hiện bắt quả tang và thu giữ trong cốp xe 01 gói ma túy. Kết luận giám định số 5048/KLGD-MT ngày 20/9/2021 của Phòng K, Công an Thành phố H xác định gói ma túy thu giữ trong cốp xe của N có khối lượng 99,5849 gam loại Methamphetamine.

Với hành vi nêu trên, có đủ căn cứ để kết luận Trần Đăng N đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước. Bị cáo biết rõ ma túy không những hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, mà còn là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, nhưng vì động cơ tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy như đã phân tích. Ngoài ra, xét về nhân thân, bị cáo N có nhân thân xấu và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội, nhân thân của bị cáo, mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Đối với các đối tượng tên B và S hiện không rõ lai lịch. Do đó, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không có cơ sở xác minh, xử lý theo quy định.

[4]. Ngoài hình phạt chính thì Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 5084/21, có chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn Xuân S1 và Cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định. Đây là vật chứng vụ án, vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (Model A1524, imei:... 948971). Đây là tài sản của bị cáo N dùng để liên lạc vận chuyển ma túy, nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, số loại: SH 150I; dung tích xi lanh 153, BS: 59M2-369.77, SK: RLHKF2500KY103919, SM: KF25E0057508 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra). Quá trình điều tra xác định xe này do bị cáo Trần Đăng N đứng tên chủ sở hữu vào ngày 07/6/2019, tại phiên tòa bà Phạm Thị T là vợ của bị cáo cho rằng từ khoảng tháng 06/2019, bà T có giao tiền cho bị cáo để mua xe nêu trên, bà chỉ nhờ bị cáo đứng tên chủ sở hữu giùm đối với tài sản này. Xét thấy, theo trích lục kết hôn (bản sao) thể hiện bị cáo N và bà T đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2019 nhưng thời điểm bị cáo Trần Đăng N mua xe và đứng tên chủ sở hữu chiếc xe nêu trên là vào ngày 07/6/2019, trước khi bị cáo và bà T đăng ký kết hôn. Như vậy, ngoài lời khai của bị cáo và bà T thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện đây là tài sản được hình thành từ nguồn tiền của bà T. Do đó, đối với vật chứng là tài sản do bị cáo đứng tên chủ sở hữu và được bị cáo dùng để thực hiện tội phạm thì cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 áo khoác Ahamove, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền: 1.000.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 3 khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Đăng N: 18 (Mười tám) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2021.

Phạt bổ sung bị cáo: 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (Model A1524, imei:... 948971).

- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, số loại: SH 150I; dung tích xi lanh 153, BS: 59M2-369.77, SK: RLHKF2500KY103919, SM: KF25E0057508 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

- Số tiền: 1.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 5084/21, có chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn Xuân S1 và Cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 áo khoác Ahamove.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/444 ngày 15/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và giấy nộp tiền ngày 20/4/2022 vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H tại Kho bạc Nhà nước Q của Ngân hàng Thương mại cổ phần C).

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND CC tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có QL&NVLQ; (1)
- Người bào chữa; (1)
- T30; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (24) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.